

Số: 387 /TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

## THÔNG BÁO

### V/v mời báo giá Hàng hóa, Dịch vụ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm các Hàng hóa, dịch vụ như sau:

1. Mua sắm túi nilon đựng rác thải y tế. (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).
2. Mua sữa cho người làm việc trong môi trường có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại. (Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).
3. Hóa chất giặt đồ vải. (Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm).
4. Thuê dịch vụ vận chuyển và xử lý rác thải y tế. (Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có đủ tư cách hợp lệ, có khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu trên báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục số 5) và cung cấp hợp đồng tương tự đã thực hiện trong thời gian gần nhất về Bệnh viện cụ thể như sau:

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 04/03/2021 đến trước 16 giờ 00 ngày 07/03/2021.

Hình thức nhận báo giá: Bản cứng và bản mềm.

Địa điểm nhận báo giá: Bản cứng nhận tại Phòng kế hoạch tổng hợp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh). Bản mềm nhận tại địa chỉ email: kehoachtonghopbvt@gmail.com.

Điện thoại: 02033.628.005.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.



**Trịnh Văn Mạnh**



(Kèm theo Thông báo số 317 /TB-BVT ngày 04/03/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Cấu hình tối thiểu sử dụng tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
<b>Yêu cầu chung:</b> Sản phẩm phải có giấy chứng nhận túi nilon thân thiện với môi trường. Bên ngoài túi phải có đường kẻ ngang ở mức 3/4 túi và có dòng chữ “ <b>KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ VẠCH NÀY</b> ”. In biểu tượng theo Thông tư 58/2015/TTLT-BYTBTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
1	Túi nilon màu vàng	Kích thước 32x 50cm, gấp mép. Trọng lượng: 88-90 cái/kg sản phẩm	Kg	2.000
2	Túi nilon màu vàng	Kích thước 47x80cm, gấp mép. Trọng lượng: 38-40 cái/kg sản phẩm.	Kg	700
3	Túi nilon màu xanh	Kích thước 35x 60cm, gấp mép. Trọng lượng: 78-80 cái/kg sản phẩm	Kg	3.300
4	Túi nilon màu xanh	Kích thước 47x80cm, gấp mép. Trọng lượng: 38-40 cái/kg sản phẩm	Kg	2.000
5	Túi nilon màu xanh	Kích thước 58x100cm, gấp mép. Trọng lượng: 18-22 cái/kg sản phẩm	Kg	3.500
6	Túi nilon màu trắng	Kích thước 47x80cm, gấp mép. Trọng lượng: 38-40 cái/kg sản phẩm	Kg	600
7	Túi nilon màu vàng	Kích thước 30x40cm, gấp mép. Trọng lượng: 128 – 130 cái/kg sản phẩm	Kg	600

(Lưu ý: Giá báo giá phải bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác ... cung cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, hàng hóa mới 100%)

**PHỤ LỤC 2**

(Kèm theo Thông báo số 387 /TB-BVT ngày 04/03/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)



STT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Cấu hình tối thiểu sử dụng tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
1	Sữa đặc có đường	Hàng hóa hoặc nhà máy sản xuất hàng hóa phải đạt được các chứng nhận sau: + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Cục An toàn Thực phẩm - Bộ Y tế cấp; + Bản công bố hợp quy của hàng hóa; + Sữa đặc có đường đựng trong hộp có tiêu chuẩn kỹ thuật: Trọng lượng hộp 380g ± 5%; Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g là: Năng lượng ≥ 341 kcal, chất đạm 4,8g ± 5%, chất béo 11,3 g ± 5%, hydrat cacbon 55g ± 5%, calci 160mg ± 5%.Thành phần bao gồm đường, sữa, dầu thực vật, chất nhũ hóa...	Hộp	82.395

(Lưu ý: Giá báo giá phải bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác ... cung cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, hàng hóa mới 100%)

**PHỤ LỤC 3**

(Kèm theo Thông báo số 187 /TB-BVT ngày 04/03/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)



STT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Cấu hình tối thiểu sử dụng tham khảo để lập dự toán (năm 2020)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất tạo kiềm	Thành phần: Nước $\geq 63\%$ , Natri Hydroxit $\geq 30\%$ , Canxi Cacbonat $\geq 5\%$ , phụ gia $\leq 2\%$ .	lít	2.800
2	Chất trung hòa môi trường kiềm	Thành phần: Nước $\geq 70\%$ , Axit clohydric $\geq 2\%$ , Axit citric $\geq 15\%$ , Axit Oxalic $\geq 11\%$ , các chất phụ gia khác $\leq 2\%$	lít	920
3	Hóa chất giặt chính	Thành phần: Las $\geq 12\%$ , Sless $\geq 2\%$ , Citric acid $\geq 5\%$ , Ethoxylate Alcohol $\geq 18\%$ , Nước $\geq 55\%$ , các chất phụ gia khác $\leq 8\%$ .	lít	2.320
4	Hóa chất tẩy trắng gốc Oxy	Thành phần: Hydrogen peroxide $\geq 50\%$	lít	3.200
5	Hóa chất làm mềm vải	Thành phần: Nước $\geq 80\%$ , chất hoạt động bề mặt anion hóa (acid Stearic) $\geq 4\%$ , Propan - 2- ol $\geq 8\%$ , hương liệu và chất phụ gia $\leq 8\%$ .	lít	2.320
6	Chất tẩy máu	Thành phần: Sodium Hypochlorite $\geq 7\%$	lít	4.200

(Lưu ý: Giá báo giá phải bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác ... cung cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, hàng hóa mới 100%)

**PHỤ LỤC 4**

(Kèm theo Thông báo số 387/TB-BVT ngày 04/03/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất thải lây nhiễm dạng rắn	130101	Kg	65.000
2	Hóa chất thải bao gồm có các thành phần nguy hại	130102	Kg	1.500
3	Dược phẩm thải bỏ thuốc nhóm gây độc tế bào hoặc có dấu hiệu cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	130103	Kg	100
4	Các thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	130302	Kg	100
5	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	130104	Kg	100
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	Kg	500
7	Dầu thải	150107	Kg	80
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	150102	Kg	50
9	Các chi tiết bộ phận của phanh đã qua sử dụng có amiang	150106	Kg	20
10	Pin, ắc qui chì thải	190601	Kg	300

(Lưu ý: Giá báo giá phải bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác ... cung cấp dịch vụ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh).

**PHỤ LỤC 5**

(Kèm theo Thông báo số 387/TB-BVT ngày 04/03/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)



STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Tên Thương mại, ký mã hiệu	Thông số kĩ thuật của hàng hóa báo giá	Số lượng	ĐVT	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)

(Báo giá có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá)

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá  
(Ký tên và đóng dấu)